

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 224/2023/DS-ST.

Ngày 15-6-2023

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
điện.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Thái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Minh Khiết**.
2. Bà **Lương Thị Kim Nghĩa**.

Thư ký phiên tòa: Ông **Chiêm Tiền Quý Nhân** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thu Thương Thương** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 446/2022/TLST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2022, về tranh chấp hợp đồng mua bán điện theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2023/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 113/2023/QĐST-DS ngày 25/5/2023, giữa:

Nguyên đơn: **Tổng công ty Đ,**

Địa chỉ: Số 35 phường N, Quận M, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Trung T, địa chỉ: Số 718 Phường MB, Quận S, Thành phố H, là người đại diện ủy quyền. (Giấy ủy quyền số 4437/UQ-PCBP, ngày 31/12/2021). (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Bà **Tạ Thị T**, sinh năm 1978,

Địa chỉ: Số 9 phường B, quận T, Thành phố H. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai, Tổng công ty Đ (gọi tắt là Tổng công ty Đ) có ông Nguyễn Trung T đại diện ủy quyền, trình bày: Bà Tạ Thị T đã ký hợp đồng mua bán điện số 17/007603 với công ty Đ BP mục đích sinh hoạt tại địa chỉ số 9 phường B, quận T. Trong quá trình sử dụng điện, bà T đã nợ 05 kỳ tiền điện và không thanh toán cho Tổng công ty Đ với tổng số tiền 33.205.002 đồng. Tổng

công ty Đ đã nhiều lần yêu cầu bà T thanh toán số tiền điện còn nợ nói trên nhưng đến nay, bà T vẫn không thực hiện.

Do đó, Tổng công ty Đ yêu cầu bà T phải thanh toán cho Tổng công ty Đ số tiền điện còn nợ là 33.205.002 đồng (Ba mươi ba triệu hai trăm lẻ năm ngàn lẻ hai đồng).

Bà Tạ Thị T đã được tổng đạt hợp lệ để giải quyết việc tranh chấp hợp đồng mua bán điện với Tổng công ty Đ nhưng vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Tạ Thị T.

Tại phiên tòa hôm nay:

* Tổng công ty Đ (gọi tắt là Tổng công ty Đ) có ông Nguyễn Trung T đại diện ủy quyền, vẫn giữ yêu cầu bà T phải thanh toán số tiền điện còn nợ là 33.205.002 đồng (Ba mươi ba triệu hai trăm lẻ năm ngàn lẻ hai đồng) và có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Bà Tạ Thị T đã được tổng đạt hợp lệ để giải quyết việc tranh chấp hợp đồng mua bán điện với Tổng công ty Đ nhưng vắng mặt không có lý do.

Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm xét xử, Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật như thụ lý và giải quyết đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng; Tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; Thông báo và tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự đúng theo quy định. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án đúng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, tuân thủ đúng pháp luật; Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng pháp luật.

Về nội dung: Ngày 20/6/2017, Tổng công ty Đ với bà T có ký hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt số 17/007603 (Mã khách hàng: PE06000308906). Tuy nhiên, bà T đã không thực hiện đúng hợp đồng ký kết, qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì bà T đã nợ 05 kỳ thanh toán với tổng số tiền 33.205.002 đồng. Do đó, Tổng công ty Đ yêu cầu bà T phải thanh toán số tiền điện còn nợ 33.205.002 đồng (Ba mươi ba triệu hai trăm lẻ năm ngàn lẻ hai đồng) là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Tổng công ty Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Quan hệ pháp luật trong vụ án này là tranh chấp dân sự về hợp đồng mua bán điện, nơi thực hiện hợp đồng tại quận B, theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật

Tổ tụng dân sự, thì vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Giữa Tổng công ty Đ (có công ty Đ BP đại diện) với bà T có ký hợp đồng mua bán điện. Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng, bà T đã không thanh toán tiền nên có tranh chấp và Tổng công ty Đ (gọi tắt là Tổng công ty Đ) có đơn khởi kiện bà T tại Tòa án nhân dân quận Bình Tân.

Qua yêu cầu của Tổng công ty Đ, buộc bà T phải thanh toán số tiền điện còn nợ là 33.205.002 đồng (Ba mươi ba triệu hai trăm lẻ năm ngàn lẻ hai đồng), Hội đồng xét xử, xét thấy:

[2.1]. Theo hợp đồng mua bán điện số 17/007603 ngày 20/6/2017, có mã khách hàng: PE06000308906, thì Tổng công ty Đ đã thỏa thuận cung cấp điện cho bà T để phục vụ cho mục đích sinh hoạt tại số 9, phường B, quận T. Đôi bên cũng thỏa thuận về hình thức thanh toán tiền điện là nộp tiền vào tài khoản của Tổng công ty Đ, thời hạn thanh toán là trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày Tổng công ty Đ thông báo lần đầu. Như vậy, có cơ sở xác định Tổng công ty Đ (có công ty Đ BP đại diện) đã ký hợp đồng và thỏa thuận cung cấp điện cho mục đích sinh hoạt đối với bà T.

[2.2]. Theo bản thông tin chỉ số và tiền điện, mã khách hàng PE06000308906 tại điểm đo PE06000308906001 đối với bà T tại địa chỉ số 9, phường B, quận T thì bà T chưa thanh toán tiền điện là 05 kỳ, cụ thể: Kỳ 1, từ ngày 06/6 đến 05/7/2021; kỳ 2, từ ngày 06/7 đến 05/8/2021; kỳ 3, từ ngày 06/8 đến 05/9/2021; kỳ 4, từ ngày 06/9 đến 05/10/2021 và kỳ 5, từ ngày 06/10 đến 05/11/2021. Qua xem xét các hóa đơn giá trị gia tăng (Hóa đơn chuyển đổi từ hóa đơn điện tử) đối với bà T (có mã khách hàng PE06000308906) chưa thanh toán tiền, cụ thể: Hóa đơn số 6772984 ngày 06/7/2021 với số tiền 9.029.832 đồng; Hóa đơn số 7026280 ngày 07/8/2021 với số tiền 6.964.859 đồng; Hóa đơn số 7274246 ngày 06/9/2021 với số tiền 6.964.859 đồng; Hóa đơn số 7520624 ngày 06/10/2021 với số tiền 6.344.602 đồng và Hóa đơn số 7770847 ngày 06/11/2021 với số tiền 3.900.850 đồng. Từ các chứng cứ nói trên, có cơ sở xác định số tiền điện mà bà T chưa thanh toán cho Tổng công ty Đ là 33.205.002 đồng (Ba mươi ba triệu hai trăm lẻ năm ngàn lẻ hai đồng).

Theo khoản 1 Điều 23 của Luật Điện Lực quy định: *“Bên mua điện phải thanh toán đủ và đúng thời hạn số tiền điện ghi trong hóa đơn cho bên bán điện theo biểu giá điện đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Tiền điện được thanh toán tại trụ sở, nơi ở của bên mua điện hoặc tại địa điểm thuận lợi do hai bên thỏa thuận trong hợp đồng mua bán điện”*. Theo quy định, thì bên mua điện là bà T phải thanh toán đủ và đúng thời hạn số tiền điện ghi trong hóa đơn cho bên bán điện. Tuy nhiên, bà T đã không thực hiện đúng theo quy định nói trên và đã không thực hiện đúng thỏa thuận theo hợp đồng mua bán điện đã ký kết nên ngày 15/11/2021, Tổng công ty Đ (có công ty Đ BP đại diện) đã có thông báo số 20/PCBP-QLTG về việc nợ tiền điện đối với bà T có mã khách hàng PE06000308906 và đến ngày 07/02/2023, đã có thông báo ngừng cung cấp điện đối với bà T.

Từ những nhận định trên, đối với yêu cầu buộc bà T phải thanh toán số tiền điện còn nợ là 33.205.002 đồng (Ba mươi ba triệu hai trăm lẻ năm ngàn lẻ hai đồng) của Tổng công ty Đ là phù hợp với quy định của pháp luật, có căn cứ, nên chấp nhận.

[3]. Tại phiên Tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Tổng công ty Đ, buộc bà T phải thanh toán số tiền điện còn nợ là 33.205.002 đồng (Ba mươi ba triệu hai trăm lẻ năm ngàn lẻ hai đồng). Xét thấy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tại phiên Tòa là có căn cứ và cũng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết 326 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; khoản 3 Điều 144 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì bà Tạ Thị T chịu trách nhiệm trả tiền cho Tổng công ty Đ nên phải chịu án phí trên số tiền phải trả là 33.205.002 đồng. Số tiền án phí là 1.660.250,1 đồng. Bà Tạ Thị T phải chịu án phí là 1.660.250 đồng.

Tổng công ty Đ không phải chịu án phí DSST. Hoàn trả cho Tổng công ty Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 830.125 đồng theo biên lai thu số 0010426 ngày 23/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40; Điều 146; Điều 147; Điều 203; Điều 220; Điều 227; Điều 228; Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 23 của Luật Đ;

Căn cứ Nghị quyết 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của UBTVQH.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Tổng công ty Đ.

Buộc bà Tạ Thị T có nghĩa vụ thanh toán số tiền điện còn nợ là 33.205.002 đồng (Ba mươi ba triệu hai trăm lẻ năm ngàn lẻ hai đồng) cho Tổng công ty Đ.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ khi Tổng công ty Đ có yêu cầu thi hành án nếu bà Tạ Thị T chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất cho vay cao nhất của ngân hàng mà bên nguyên đơn có tài khoản ghi trong hợp đồng tại thời điểm thanh toán.

2. Án phí DSST: Bà Tạ Thị T phải chịu số tiền án phí là 1.660.250 đồng (Một triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn hai trăm năm mươi đồng).

Tổng công ty Đ không phải chịu án phí DSST. Hoàn trả cho Tổng công ty Đ số tiền tạm ứng án phí là 830.125 đồng (Tám trăm ba mươi ngàn một trăm hai mươi lăm đồng) theo biên lai thu số 0010426 ngày 23/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án tại địa phương.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích quy định về quyền yêu cầu thi hành án cho các đương sự).

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Bình Tân;
- CC THADS quận Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ; VP (Nhân).

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thành Thái